TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN GÒ VẤP** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 779/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15-6- 2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Chí

2. Bà Lê Thị Hoa

Thư ký phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Tuyến- Cán bộ Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Huyền- Kiểm sát viên.

Ngày 15/6/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân- Gia đình thụ lý số 162/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2018, về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 149/2018/QĐST-HPT ngày 22/5/2018; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn Đ – sinh năm: 1967; địa chỉ: nhà X đường Y, Phường Z, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh. (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị O– sinh năm: 1971; địa chỉ: nhà X đường Y, Phường Z, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 01 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, ông Trần Văn Đ trình bày: Ông Đ và bà O sống chung từ năm 1995 đến ngày 01/7/2001 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Gành Hào, huyện G, tỉnh Bạc Liêu theo Giấy chứng nhận kết hôn số A Quyển số 01. Quá trình chung sống vợ, chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà O sống thiếu trách nhiệm với gia đình, chồng- con; bà O tự ý vay nợ, đem tài sản gia đình đi thế chấp, để cho các đối tượng xấu đến đe dọa ông Đ và các con, ông Đ đã nhiều lần trả nợ thay. Từ cuối năm 2016 bà O bỏ đi đâu không rõ, đến gần cuối năm 2017 bà O trở về nhà nhưng cứ khoảng 02- 03 ngày lại vắng nhà, đi đâu ông Đ không rõ. Nay ông Đ xác định cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng với bà O không còn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông Đ được ly hôn với và Ođể ổn định cuộc sống. Ông Đ và bà O có 02 (hai)

con chung tên Trần Thị Thùy D sinh ngày 24/3/1997 (đã trưởng thành) và Trần Thanh H sinh ngày 02/4/2001. Sau ly hôn ông Đyêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Trần Thanh H. Ông Đ không yêu cầu bà O cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian chung sống, ông Đ và bà O có tạo lập được tài sản là nhà- đất tọa lạc tại nhà X đường Y, Phường Z, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số: A do Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp ngày 15/10/2009 đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số Z, ngày 23/6/2014 để đảm bảo cho khoản nợ vay 600.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP K. Cho đến nay bà O và ông Đ còn nợ Ngân hàng khoảng hơn 200 triệu đồng theo Hợp đồng S vay món ký ngày 23/6/2014. Ông Đxác định tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn trình bày ý kiến, bản tự khai và đơn phản tố đề ngày 15/5/2018 do Bưu điện chuyển đến Tòa án ngày 16/5/2018 bà Nguyễn Thị O trình bày: Bà O và ông Đ chung sống năm 1995 có đăng ký kết hôn. Quan hệ vợ chồng hoàn toàn không có mâu thuẫn gì với nhau, ngay cả khi ông Đ cá độ đá banh năm 2014 dẫn đến phải vay nợ của Ngân hàng TMCP K để trả nợ đến nay còn nợ khoảng 200.000.000 đồng cũng không phải là nguyên nhân dẫn đến ly hôn. Bà O trước đây làm việc nhà, vừa làm nghề may để kiếm thêm thu nhập gia đình. Do làm ăn bị thua lỗ nên bà O nghỉ và chỉ ở nhà nội trợ, chăm lo cho các con. Bà O không vi phạm đạo đức, không làm gì để ảnh hưởng đến quan hệ vợ chồng. Nguyên nhân ông Đ đòi ly hôn với bà O là sau ngày 02/4/2017 khi cả gia đình về chịu tang mẹ chồng thì mẹ ruột bà O bị tai biến mạch máu não không có người chăm sóc nên bà O phải về quê Ấp 1, thị trấn Gành Hào, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu để chăm sóc mẹ ruột một thời gian. Đến tháng 11/2017 bà O nghe bạn bè và người lối xóm cho biết ông Đ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Bà O đã quay trở về nhà để nói chuyện thẳng thắn với ông Đ, khuyên ông Đ vì gia đình, các con mà chấm dứt quan hệ tình cảm với người khác bên ngoài nhưng ông Đ không nghe mà có thái độ và tình cảm thay đổi với bà O. Phần vì buồn chuyện tình cảm, phần vì không có việc làm nên bà O đi xin làm nghề may và ở lại xưởng may không về nhà khoảng gần 1 tháng thì các con gọi bà O về nhà và mong muốn cha mẹ đoàn tụ, không ly hôn. Bà O đã vì các con và gia đình năn nỉ ông Đ thêm lần nữa quay về cuộc sống gia đình như trước đây nhưng ông Đ không thay đổi. Khoảng cuối tháng 12/2017 ông Đ yêu cầu bà O ký vào nội dung đơn thuận tình ly hôn nhưng bà O không đồng ý ly hôn, vẫn mong ông Đ suy nghĩ lại. Việc ông Đ đơn phương khởi kiện ly hôn từ lúc nào bà O không biết vì thời gian đầu các giấy báo của Tòa án gửi về thì các con bà O nhận và giấu không cho bà O biết. Đến tháng 3/2018 bà O mới nhận được giấy triệu tập, bà O có hỏi con là Trần Thanh H thì được cháu kể lại là ông Đ đến trường nội trú đón và chở cháu đến Tòa bảo cháu viết và trình bày lời khai là muốn sống với ông Đ nhưng nguyện vọng thực sự của cháu là sống với bà O. Bà O chưa lên Tòa là do bản thân bà O không muốn ly hôn, mong muốn duy trì mối quan hệ vợ chồng để các con không thấy cảnh cha mẹ ly hôn, gia đình ly tán. Đến nay, bà O nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử, bà O không đồng ý ly hôn. Nếu ông Đ vẫn kiên quyết muốn ly hôn thì mong Tòa án xem xét nguyện vọng thực sự của cháu Trần Thanh H là muốn sống với bà O. Lời khai của cháu H trước đây là không đúng nguyện vọng của cháu. Yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi cháu H 3.000.000 đồng/tháng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Trong quá trình chung sống, bà O và ông Đ có tạo dựng được tài sản chung là nhà- đất thuộc thửa đất số 52, tờ bản đồ số 100 tọa lạc tại địa chỉ nhà X đường Y, Phường Z, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số: A do Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp ngày 15/10/2009, trị giá khoảng 3,5 tỷ đồng. Ngày 23/6/2014, bà Oanh

và ông Đ ký Hợp đồng thế chấp số tài sản trên để bảo đảm cho khoản nợ vay 600.000.000 đồng theo Hợp đồng vay món tại Ngân hàng K. Cho đến nay, bà O và ông Đ còn nợ ngân hàng khoảng hơn 200 triệu đồng. Nếu ly hôn bà O yêu cầu chia tài sản chung, trừ đi khoản nợ ngân hàng, nợ chung khác (tổng cộng khoảng 270.000.000 đồng) bà O yêu cầu nhận được 6 phần và ông Đ nhận 4 phần.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Ông Đ vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu được ly hôn với bà O để ổn định cuộc sống vì ông Đ cho rằng cuộc sống chung vợ- chồng giữa ông Đ và bà O ngột ngạt, không tìm được tiếng nói chung và không hòa hợp; bà O không có trách nhiệm với gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu từ năm 2003 khi bà O bán quán cà phê thì bà O có quan hệ với người đàn ông khác nhưng đã lâu nên ông Đ không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Sau đó do bà O buôn bán thua lỗ nên ông Đ và bà O phải thế chấp tài sản chung là nhà- đất tọa lạc tại địa chỉ nhà X đường Y, Phường Z, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh tại ngân hàng K để vay tiền trả nợ cho bà O. Sau khi trả nợ, bà O sử dụng số tiền vay còn lại vào việc gì ông Đ không được biết. Việc bà O cho rằng từ tháng 6 đến tháng 11 năm 2017 bà O đi về quê chăm mẹ bà O bị bệnh là không đúng. Bà O bỏ nhà đi khoảng 01 năm đi đâu ông Đ không rõ chỉ mãi sau này khi các con ông Đ nghỉ hè về quê ngoại thì ông Đ mới nghe nói là bà O về quê chăm mẹ bệnh. Ông Đ không có quan hệ với người phụ nữ khác như bà O trình bày mà đó là quan hệ làm ăn. Đối với việc nuôi con chung tên Trần Thanh H, ông Đ tôn trọng ý kiến và mong muốn của cháu H ở với ai thì ông Đ cũng đồng ý. Nếu Tòa án giải quyết giao con chung Trần Thanh H cho bà O trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng thì ông Đ sẽ cấp dưỡng nuôi con 03 triệu đồng/tháng theo yêu cầu của bà O. Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung.

Bà O có ý kiến yêu cầu thay đổi thẩm phán- chủ tọa phiên tòa vì cho rằng thẩm phán không khách quan, không xem xét các yêu cầu của bà O đã gửi bưu điện đến Tòa án ngày 16/5/2018 nhưng bà O xác định không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho các yêu cầu thay đổi thẩm phán. Bà O xác nhận có gửi các giấy tờ đến Tòa án bằng đường bưu điện gồm: Đơn trình bày ý kiến, bản tự khai, đơn phản tố đề ngày 15/5/2018 và bản photo (*Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ số gốc A, Hợp đồng vay món và Hợp đồng thế chấp số ngày 23/6/2014 tại Ngân hàng K*). Cuộc sống chung có nhiều khó khăn, nhưng vợ chồng không mâu thuẫn. Bà O mong muốn ông Đ nghĩ đến con cái và gia đình mà quay trở về để các con có đủ cha và mẹ. Ông Đ cho rằng bà O bỏ nhà đi đâu hơn 01 năm ông Đ không biết là không đúng sự thật vì từ tháng 4/2017 đến tháng 8/2017 bà O về quê ở Đông Hải, tỉnh Kiên Giang để chăm sóc mẹ bị bệnh, bà O có nói cho ông Đ biết; đến tháng 7 năm 2017 khi nghe hàng xóm, bạn bè và con gái báo ông Đ có quan hệ với người phụ nữ khác thì ngày 17/8/2017 bà O đã trở về nhà khuyên can ông Đ nhưng ông Đ không thay đổi mà kiên quyết ly hôn. Do buồn chuyện tình cảm và không có việc làm nên bà Oanh đã bỏ nhà đi 01 tháng thì bà O trở lại nhà ở cho đến nay. Việc ông Đ cho rằng phải thế chấp nhà để trả nợ cho bà O và bà O nhận tiền tiêu xài ông Đ không biết là không đúng vì việc thế chấp tài sản tại Ngân hàng là để vay tiền trả nợ do ông Đ đánh bài thiếu nợ và sau khi nhận tiền tại Ngân hàng bà O đã đưa hết cho ông Đ. Bà O xác định mâu thuẫn vợ chồng bắt nguồn từ tháng 7/2017 khi ông Đ có quan hệ với người phụ nữ khác nhưng bà O vẫn tha thứ cho ông Đ và không đồng ý ly hôn với ông Đ vì xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn. Trong trường hợp ông Đ kiên quyết ly hôn thì bà O yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Thanh H và yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con 03 triệu đồng/tháng thực

hiện vào ngày 5 hàng tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung theo nội dung đơn phản tố đề ngày 15/5/2018.

Cháu Trần Thanh H được sự cho phép của Hội đồng xét xử đã trình bày ý kiến xác định trước đây tại Bản tự khai ngày 11/4/2018 cháu H có lời khai mong muốn được ở với bố. Nay tại phiên tòa cháu xin thay đổi lại lời khai, cháu H mong muốn được ở với mẹ sau khi bố - mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu quan điểm tại phiên tòa sơ thẩm xác định:

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự: Việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử thư ký phiên tòa từ thời điểm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền- nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70 và 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền- nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bà O yêu cầu thay đổi thẩm phán vì cho rằng thẩm phán giải quyết vụ án không khách quan, không xem xét đến các yêu cầu của bà O. Tuy nhiên, bà O không ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ, do vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà O là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 26 Quyển số 01 ngày 01/7/2001 của Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu cấp thì quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà O là hợp pháp. Qua xác minh tại Hội phụ nữ Phường Z, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh ngày 07/3/2018 thể hiện bà O đã bỏ nhà đi 02 năm do vay mượn tiền bên ngoài với lãi suất cao, mới trở về nhà, cho thấy lời khai của ông Đ về việc quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bà O nợ nần, sống thiếu trách nhiệm với gia đình, chồng con là có cơ sở. Theo xác minh tình trạng cư trú của bà O tại Công an Phường Z, quận Gò Vấp ngày 07/3/2018 thể hiện bà O đang sinh sống tại địa chỉ nhà X đường Y, Phường Z, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh. Tòa án đã thực hiện tống đạt thông báo các phiên hòa giải và triệu tập bà O tại địa chỉ trên nhưng bà O vắng mặt không lý do. Nhận thấy quan hệ hôn nhân phải dựa trên bình đẳng, tự nguyện xây dựng hạnh phúc từ hai phía, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn đều khẳng định không còn tình cảm và không muốn tiếp tục quan hệ hôn nhân với bà O; bà O khẳng định vẫn yêu thương chồng và nói ông Đ muốn ly hôn với bà O là do có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhưng bà O không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Từ những căn cứ trên xác định quan hệ vợ chồng giữa ông Đ và bà O có mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của ông Đ là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Trần Thị Thùy D sinh ngày 24/3/1997 (đã trưởng thành) và Trần Thanh H sinh ngày 02/4/2001. Tại phiên tòa, được sự cho phép của Hội đồng xét xử, trẻ Trần Thanh H trình bày ý kiến và thay đổi yêu cầu mong muốn được ở với mẹ, bà O cũng mong muốn được nuôi con và yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con 03 triệu đồng/tháng. Ông Đ mong muốn nuôi con nhưng tôn trọng ý kiến của con, đồng ý để bà O trực tiếp nuôi dưỡng con và cấp dưỡng 03 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ngày 15/5/2018, bà O có yêu cầu phản tố, yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là căn nhà tại địa chỉ nhà X đường

Y, Phường Z, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh và thanh toán khoản nợ 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng. Tuy nhiên, căn cứ Khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "*Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải*". Thời điểm bà Oanh có đơn phản tố, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp đã có Quyết định số 161/2018/QĐXXST-HNGĐ đưa vụ án ra xét xử ngày 02/5/2018 nên yêu cầu phản tố của bà O không đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung nên không giải quyết tài sản chung và nợ chung trong vụ án này. Bà O có thể khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng trong một vụ án khác.

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "*ly hôn",* do bị đơn hiện cư trú tại quận Gò Vấp, căn cứ quy định Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số A Quyển số 01 ngày 01/7/2001 của Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu cấp, có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà O là hợp pháp. Quan hệ hôn nhân phải hoàn toàn tự nguyện, xuất phát từ cả hai phía và dựa trên cơ sở tình yêu. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp và lời khai của các đương sự tại phiên tòa; bà O cho rằng mậu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 7/2017 đến nay nhưng bà O vẫn còn tình cảm vợ- chồng với ông Đ không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, ông Đ khẳng định không còn tình cảm và không muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với bà Oanh. Xét thấy bà O và ông Đ có lời khai về việc sử dụng tài sản chung - tiền vay để giải quyết các khó khăn trong cuộc sống gia đình là có nhiều mâu thuẫn. Căn cứ kết quả trả lời ngày 07/3/2018 của Hội phụ nữ Phường Z, quận Gò vấp, Tp. Hồ Chí Minh có nội dung: *Qua nắm bắt thông tin từ hàng xóm xung quanh, bà O đi khỏi nhà (địa chỉ* nhà *X đường Y, Phường Z, quận Gò vấp, Tp. Hồ Chí Minh đã 02 năm nay, có vay mượn tiền bên ngoài với lãi suất cao. Hiện bà O đã về để làm thủ tục ly hôn ông Đ*. Như vậy, có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà O và ông Đ đã có những bất hòa, mâu thuẫn trầm trọng làm tổn thương đến tình cảm vợ chồng. Trên thực tế đời sống hôn nhân không có sự đồng thuận và không chia sẻ với nhau những khó khăn trong cuộc sống; vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ không mang lại hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình yêu cầu ly hôn của ông Đ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 205 Quyển số 03/04 ngày 16/8/2004 do Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu cấp và Giấy khai sinh số A Quyển số 01/2001 ngày 11/7/2001 do Ủy ban nhân dân Phường E, quận Gò Vấp cấp có cơ sở xác định ông Đ và bà O có 02 (hai) con chung tên Trần Thị Thùy D sinh ngày 24/3/1997 (đã trưởng thành) và Trần Thanh H sinh ngày 02/4/2001. Xét tại Bản tự khai ngày 11/4/2018, cháu Trần Thanh H trình bày mong muốn được ở với ông Đ; tuy nhiên,

tại phiên tòa cháu H thay đổi ý kiến và mong muốn được ở với mẹ. Bà O và ông Đ cùng có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu H, nhưng ông Đ tôn trọng ý kiến, nguyện vọng của con. Để bảo vệ sự phát triển mọi mặt của cháu H, Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao con chung tên Trần Thanh H cho bà O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà O yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con 03 triệu đồng/tháng thực hiện vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu ngay khi án có hiệu lực pháp luật và ông Đ đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đ và bà O xác định có ký Hợp đồng tín dụng vay món ngày 23/6/2014 vay tiền tại Ngân hàng TMCP K và thế chấp nhà- đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc A do Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp ngày 15/10/2009. Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nợ chung và tài sản chung trong vụ án này. Tòa án đã thực hiện tống đạt thông báo thụ lý và Công văn số 162/TAQGV ngày 28/4/2018 cho Ngân hàng TMCP K yêu cầu Ngân hàng cho biết có yêu cầu Tòa án giải quyết nợ chung của ông Đ và bà O trong vụ án này không nhưng Tòa án không nhận được ý kiến bằng văn bản của Ngân hàng. Xét, Tòa án đã thực hiện tống đạt hợp lệ Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cùng giấy triệu tập của Tòa án yêu cầu bà O có mặt lúc 09 giờ 30 phút ngày 02/4/2018 và lúc 08 giờ 30 phút ngày 27/4/2018 để tham gia phiên họp nhưng cả 02 lần bà O không đến tham gia phiên họp. Ngày 02/5/2018, Tòa án đã ban hành Quyết định số 161/2018/QĐXXST-HNGĐ đưa vụ án ra xét xử nhưng đến ngày 16/5/2018 (dấu bưu điện) bà O mới có đơn phản tố gửi đến Tòa án. Căn cứ Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "*Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải*". Đối chiếu với quy định nêu trên thì thời hạn phản tố của bà O đã hết. Việc giải quyết ly hôn không ảnh hưởng đến việc giải quyết tài sản chung, nợ chung giữa bà O và ông Đ; do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết nợ chung và tài sản chung trong vụ kiện này. Các đương sự được quyền khởi kiện tranh chấp tài sản chung và nợ chung trong vụ kiện khác. Ngân hàng TMCP K được quyền khởi kiện ông Đ và bà O về khoản nợ liên quan đến Hợp đồng tín dụng vay món ngày 23/6/2014 trong vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[6]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Luật phí và lệ phí và Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án thì ông Đ phải chịu án phí sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân- gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 5, Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 200, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Văn Đ

Ông Trần Văn Đ được ly hôn bà Nguyễn Thị O

2. Về con chung: 02 (hai) con chung tên Trần Thị Thùy D sinh ngày 24/3/1997 (đã trưởng thành) và Trần Thanh H sinh ngày 02/4/2001.

Giao con chung tên Trần Thanh H, sinh ngày 02/4/2001 cho bà Nguyễn Thị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ông Đ được quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng, thực hiện vào ngày 05 hàng tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi

Ngay sau khi án có hiệu lực

Kể từ ngày bà O có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đ không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nói trên thì hàng tháng ông Đ còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4. Tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết trong vụ kiện này.

5. Án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân- gia đình: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Trần Văn Đ phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2017/0028528 ngày 30/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, ông Đ đã nộp đủ.

Án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Trần Văn Đ phải nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. *Quyền và thời hạn kháng cáo*: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

(*Giấy chứng nhận kết hôn số A, Quyển số 01 do Ủy ban nhân dân thị trấn Gành Hào, huyện G, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 01/7/2001 không còn giá trị pháp lý*).

Nơi nhận:
- TAND Tp. HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp
- UBND TT Gành Hào, H. G, T. Bạc Liêu;
- Các đương sự, Tuyến (TK);
- Lưu: VT, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Minh Phượng